

TƯƠNG ĐỒNG VÀ BIỆT LẬP GIỮA CÁC CỘNG ĐỒNG TÔN GIÁO Ở NGƯỜI CHĂM THUỘC HAI TỈNH NINH THUẬN VÀ BÌNH THUẬN

TẠ LONG^(*)

Người Chăm ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận chiếm 65,1% dân số tộc người này trong cả nước⁽¹⁾, chủ yếu thuộc các tôn giáo như: Ấn Độ giáo (thường được gọi là đạo Bàlamôn), đạo Bàni và đạo Islam. Giữa đạo Bàlamôn và đạo Bàni có những điểm tương đồng và dị biệt, cư dân thuộc hai tôn giáo này có những quan hệ cộng đồng và biệt lập nhất định. Giữa đạo Bàni và đạo Islam lại có những điểm chung và riêng, vì đó mà tách biệt nhau hết sức rõ rệt. Bài viết này sẽ tập trung giới thiệu những điểm chung và riêng, cộng đồng và tách biệt vừa nêu giữa ba tôn giáo cũng như giữa cư dân thuộc ba tôn giáo này.

1. Những nét tương đồng và quan hệ cộng đồng trong tín ngưỡng dân gian ở người Chăm Bàlamôn và người Chăm Bàni

1.1. Sự tương đồng trong hệ thống thần điện dân gian

Trong thần điện dân gian được người Chăm Bàlamôn và người Chăm Bàni thờ phụng đều có các vị thần tự nhiên, thần tổ của xứ sở và anh hùng dân tộc, thần bản thổ, tổ tiên và thần hộ mệnh.

- Các vị thần tự nhiên.

Thuộc hệ thống thần này gồm các loại sau:

+ Thần thuộc các lực lượng tự nhiên: thần trời, thần tứ phương, thần mưa, thần gió, thần ngày tháng.

+ Thần vạn vật hữu linh: thần mặt trời, thần sông, thần núi, thần biển, thần sóng biển, thần đất, thần lửa, thần lúa, thần chuột, thần gò mối, v.v...

- *Thần tổ của xứ sở và các anh hùng dân tộc:*

+ Thần tổ của xứ sở: thần Pô Inur Nugar, thần Mẹ Xứ sở. Ngoài tên Pô Inur Nugar ở các làng nữ thần được gọi bằng khoảng 12 tên khác nhau như Pô Nugar - Taha, Pô Nugar - Hamu, Pô Nugar - Pajai⁽²⁾, v.v...

+ Các vị anh hùng dân tộc và hoàng hậu: vua Po Klong Halau, vua Po Klong Girai, Po Patau Binthour (tức Chế Bồng Nga), vua Patau At, Po Nit, Po Ramê; thần tướng Po Sah Inur, thần tướng Cey Tathun, thần tướng Cey Dalim, hoàng tử

*. TS., Viện Dân tộc học, Viện KHXHVN

1. Tổng cục thống kê. *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999*. Kết quả điều tra toàn bộ, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2001, tr. 21, 64, 69.

2. Trương Nghiệp Vũ. *Tôn giáo tín ngưỡng của người Chăm ở tỉnh Ninh Thuận. Thực trạng và giải pháp*. Báo cáo khoa học, Ninh Thuận tháng 8-2001, tr. 26.

Cey Sit và Cey Prong, các hoàng hậu như Po Nai, Than Chan, Than Chih, v.v...

- *Thần bản thổ*: thần làng (Po wang palei), thần thổ địa (Po bhum), thần bếp (Po tau gin, gồm 2 ông và hai bà là: On Duah, Muk Padang, On Manah và Muk Manang).

- Tổ tiên và thần hộ mệnh: ông bà tổ tiên (Po muk Po Key), thần tổ tiên (po trauk po patra), thần hộ mệnh bên tả và bên hữu, thần nghề nghiệp⁽³⁾.

1.2. Sự tương đồng và quan hệ cộng đồng trong các nghi lễ dân gian

Các nghi lễ dân gian thấy trong các lễ cầu cúng của cộng đồng khu vực, của làng, của dòng họ và gia đình thuộc đạo Balamôn và đạo Bani.

Những lễ nghi dân gian chung của người Chăm Balamôn và Chăm Bani ở cùng khu vực

- *Lễ khai mương đắp đập (Poh băng yang)*

Lễ khai mương đắp đập được làm vào ngày thứ ba của tuần đầu tiên của tháng giêng lịch Chăm hàng năm, do các làng cùng chung một con đập cử hành. Tuy thành phần dân cư thuộc từng nguồn nước mà các làng có thể thuần Chăm hoặc cả Chăm lẫn Kinh, có thể thuần Chăm theo một đạo hoặc thuộc cả đạo Balamôn và đạo Bani. Thường lễ này được làm ở đập nước đầu mương, do ông cai lệ (ôn hamu ia) làm chủ lễ: Cai lệ đọc bài khấn trước khi đắp đập. Khi đập được đắp xong ông ta vẽ hình rồng trên nền đất mặt đập rồi bốc nắm đất này ném xuống mương để rồng trú ngụ và cấp nước cho dân cày cấy⁽⁴⁾.

Riêng tại thôn Hữu Đức (xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước), cai đập làm lễ này tại đền Pô Inư Nugar nằm ở rìa làng:

Lễ vật gồm một con dê, 5 mâm cơm canh, 1 khay trầu, 1 chai rượu trắng và một cây nõ nường bằng gỗ trầm. Sau khi làm lễ xong lễ vật được mang về, cây nõ nường để lại trong đền 3 ngày sau mới mang về⁽⁵⁾.

- *Lễ cầu đảo thần sóng biển (Palau sah)*:

Lễ này được làm vào tháng 4 lịch Chăm ở cửa biển Tuấn Tú và Cà Ná, do tu sĩ và tín đồ đạo Bani và tín đồ đạo Balamôn thuộc hai khu vực vừa nêu đóng góp và tổ chức.

Lễ ở Tuấn Tú do các thôn Tuấn Tú (thuộc đạo Bani), Mỹ Nghiệp, Vĩnh Thuận và Chung Mỹ (thuộc đạo Balamôn) thực hiện.

Lễ ở Cà Ná do các thôn Văn Lâm (thuộc đạo Bani), Hiếu Thiện, Vụ Bốn và Hữu Đức (thuộc đạo Balamôn) thực hiện⁽⁶⁾.

Các lễ này được làm trong 7 nhà lễ dựng ở cửa biển: nhà lễ thứ nhất để đọc kinh tế thần hoả; nhà lễ rija nugar; nhà lễ rija prong (múa lớn); nhà lễ cúng các thần dân gian; nhà lễ rija harey (múa đêm); nhà lễ ngôi thiếp và nhà lễ cầu kinh.

Lễ tế thần hoả gồm lễ tẩy uế đất, đọc kinh cầu an và tế thần hoả. Lễ rija nugar, rija harey và rija prong là những lễ múa mời các thần của đạo Balamôn, thần của đạo Bani, thần dân gian và tổ tiên về dự

3. Sakaya. *Lễ hội của người Chăm*. Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2003, tr. 241-247.

4. Phan Ngọc Chiến. *Một số vấn đề kinh tế nông nghiệp ở vùng người Chăm tỉnh Thuận Hải*, trong: *Người Chăm ở Thuận Hải*, Phan Xuân Biên (chủ biên), 1989, tr. 42-43.

5. Vương Hoàng Trù. *Tín ngưỡng dân gian của người Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr. 304.

6. Trương Nghiệp Vũ. *Sđđ.*, tr. 21.

lễ và phù hộ cho mọi người trong cộng đồng các làng. Nhưng số thần được mời và các điệu múa, bài hát dành cho từng vị thần trong lễ múa lớn gấp đôi so với rija nugar của Palau sah (lễ cầu đảo thần sóng biển).

Lễ cúng ở nhà lễ thứ tư dành cho ba nữ thần dân gian như Po Kinor Patri, Po Inư Nugar và Yang Giri. Trong lễ này điệu múa nõ nương được tiến dâng nữ thần phần thực Yang Giri.

Lễ ngôi thiếp của muk pajâu để giao cảm cầu xin thần linh cho phong đăng hoà cốc. Còn lễ cúng dê và cầu kinh do các thầy char của đạo Bani thực hiện để tẩy đi mọi sự xui xẻo⁽⁷⁾.

- *Lễ chặn nguồn nước (Kap halau krong)*:

Lễ này được tổ chức vào mùa mưa lũ trong tháng 8 lịch Chăm ở đầu nguồn nước để cầu thần sấm, thần mưa, thần đầu nguồn các con sông, suối không gây lũ phá hoại mùa màng. Lễ này do các ông cai mương (banưk), po dhia của đạo Balamôn và các thầy po gru của đạo Bani của các làng cùng chung một nguồn nước thực hiện⁽⁸⁾. Lễ vật chỉ có cơm canh và xôi chè. Nghi lễ có cầu kinh Koran xin thánh Allah không gây lũ lụt... và rước gậy thần từ Thánh đường đến nơi hành lễ⁽⁹⁾.

Những nghi lễ dân gian của cộng đồng làng

Thuộc loại nghi lễ này ở người theo đạo Balamôn và đạo Bani chỉ có lễ Tống ôn đầu năm (Rija nugar). Lễ này được tổ chức vào ngày thứ năm và thứ sáu của tuần đầu tháng giêng lịch Chăm, trong đó thứ năm phải là ngày lẻ. Ở người theo đạo Bani, ngày thứ năm các tu sĩ vào thánh đường làm lễ, thứ sáu họ ra địa điểm làm lễ rija nugar làm lễ trước, sau

đó on duôn (thầy võ) và on kaing (ông bóng) mới hành lễ. Rija nugar được tiến hành để cầu xin thần linh xua đuổi, xoá bỏ những cái xấu của năm cũ như ốm đau, hạn lụt, chuột bọ, sâu bệnh, v.v... và ban cho họ sự bình an, mạnh khoẻ, hòa cốc phong đăng.

Nơi hành lễ là nhà làng (thang palei) hoặc nhà lễ (kajang) được dựng ở đầu thôn.

Các thần được cầu cúng gồm: thần của làng sở tại, thần trời, thần cha, Po Inư Nugar (Mẹ Xứ sở), Po Nai, các vị vua Chăm, tổ sư thầy kadhar, thần rừng trâm và rừng quế, thần biển và thuyền trưởng của thần biển (Po Tang Ahok), Po Nay, Po Cey Tathun, Po Cey Dalim, Po Tang, v.v... Số thần được cầu cúng tùy từng làng có khác nhau. Ngoài ra hầu hết các vị thần được thờ ở các đền tháp và miếu của các làng đều được mời về dự lễ Rija nugar⁽¹⁰⁾. Nhưng trong các bài tụng ca (tam nuy) có nhắc tới thánh Allah hay Mecca, điều này đã ít nhiều cho thấy nguồn gốc Islam giáo của thể loại này. Ảnh hưởng bắt đầu từ Mã Lai và Java vào người Chăm thông qua hôn nhân giữa các công chúa Java và Mã Lai. Các vua Chăm như Jaya Shimevarman III (tức Thê Mân) vào thế kỉ XIII, Po Kabrat vào thế kỉ XV, vua Po Ramê (1627 - 1651) tìm

7. Xem: Ngô Văn Doanh. *Lễ hội Rija Nugar của người Chăm*, Nxb. Văn hoá Dân tộc, Hà Nội, 1998, tr. 198-206; Sakaya. Sđd., tr. 55-57; Vương Hoàng Trù, Sđd., tr. 306, 307.

8. Xem: Trương Hiến Mai, Sử Văn Ngọc. *Hệ thống thủy lợi và lễ nghi nông nghiệp cổ truyền Chăm Ninh Thuận, Bình Thuận*. Nxb. Hà Nội, Văn hoá dân tộc, 2002. tr. 115, 147; Sakaya. Sđd., tr. 311-312, tr. 58-59; Vương Hoàng Trù, Sđd., Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dớp. *Văn hoá Chăm*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 274.

9. Sakaya. Sđd., tr. 59.

10. Xem: Ngô Văn Doanh, Sđd., tr. 116-125; Vương Hoàng Trù, Sđd., tr. 304.

hiểu giáo lí Islam giáo; ảnh hưởng này cũng qua người Mã Lai và Java tới sống trên đất Chăm⁽¹¹⁾.

Các lễ nghi được thực hiện gồm hát mời và dâng lễ lên các thần Po Inu nugar, Po Tang, thần chèo thuyền (Po Tang Ahuah), thần sóng biển (Po Riyak), thần Cey Sit, thần Cey Tathun, Cey Dalim, Po Klong Girai, Po Bin Thuôn, Po Nai, v.v... *Po Nai là một trong những vị thần chủ đạo của lễ rija nugar, là nữ thần duy nhất sau thần Mẹ xứ sở được mời trong lễ này*⁽¹²⁾. Tuỳ theo tục lệ của địa phương mà tục cúng cũng như các bài hát về vị thần Pô Inu Nugar cũng khác nhau. Nghi thức hành lễ giữa các làng theo đạo Bani và theo đạo Balamôn cũng khác nhau⁽¹³⁾.

Ngoài hát múa ca ngợi và dâng lễ cầu xin các thần còn có lễ đập lửa và lễ cúng gà, cúng dê và lễ tống trừ ôn dịch được thực hiện bằng nghi lễ thả những hình nhân thế mạng (palau salih) xuống sông, suối cho trôi đi. Những hình nhân hình người và gia súc làm bằng bột gạo được tra hồn sẽ thay người và gia súc đem mọi thứ ô uế, xui xẻo của năm cũ đi và xin thần linh (thần trời, hay thần cha) mưa sớm cho dân cấy cấy, cây cối tốt tươi⁽¹⁴⁾.

Có ý kiến lí giải nghi lễ cúng dê, thả hình nhân trôi sông là lễ hiến sinh của Ấn Độ giáo và lễ tế thủy thần thuộc tín ngưỡng nguyên thủy. Còn *lễ đập lửa mang tính ma thuật nhằm dập đi sự khô nóng cho mưa thuận gió hoà hoàn toàn ăn nhập với lễ tế thần nước giúp con người mang đi mọi tội lỗi, tai ương*. Hình ảnh 12 cửa ngục trong lời ông bóng (on kaing) dặn dò các hình nhân (“nếu không nói đúng sự khó khăn về bệnh tật và thời tiết của người, gia súc, mùa màng trên trần gian trong năm cũ với thần trời thì chúng sẽ bị trừng phạt ở 12 cửa ngục”) là

dấu ấn Islam giáo về thiên đường và địa ngục trong lễ rija nugar⁽¹⁵⁾.

Những nghi lễ dân gian của dòng họ

Gồm lễ múa nhỏ (rija sit) và lễ múa lớn (rija prong).

- Lễ múa nhỏ (rija sit):

Gồm lễ múa ban ngày (rija harei) và lễ múa ban đêm (rija dayuap). Lễ thứ nhất của gia đình hoặc tộc họ, thường được tổ chức vào tháng giêng lịch Chăm, sau lễ rija nugar. Đây là lễ cầu an cho năm mới và tấu trình tổ tiên những việc lớn định làm trong năm mới như tế trâu, nhập kút, v.v... Khi trong làng có lễ múa, nếu nhà khác không may có người thân qua đời cũng không được phép làm đám tang, mà phải chờ đám múa kết thúc mới được tổ chức tang lễ. Vì vậy, khi có lễ múa, thầy cả Po Adhia (của đạo Balamôn) hoặc Po Gru (của đạo Bani) phải cho lịch tang vào thời gian sau lễ múa. Tuy vậy, đôi khi do mâu thuẫn cá nhân giữa các thầy cả và thầy võ (người cho ngày làm lễ múa), các thầy vẫn cho lịch trùng nhau, gây xích mích giữa các gia đình và dòng họ với nhau. Thần được mời về dự lễ rija harei gồm: Po Tang, thần sóng biển, thần chèo thuyền, Po klong Girai, Po Rame, các hoàng tử, Cey Dalim (chàng Lựu), thần giữ rừng trâm và quế, Po Nei, Po Sah Inu, thần tổ tiên, v.v... Nghi lễ được thực hiện là múa, hát và dâng lễ cho các thần linh, lễ đập lửa. Lễ vật chỉ có 1 con gà luộc, 5 mâm cơm, xôi chè, hoa quả.

Lễ múa đêm cũng của gia đình hoặc dòng họ, được thực hiện để cầu an và

11. Ngô Văn Doanh. Sđd., tr. 161.

12. Xem: Ngô Văn Doanh. Sđd., tr. 127-159; Sakaya. Sđd., tr. 88.

13. Trương Nghiệp Vũ. Tài liệu đã dẫn, tr. 26.

14. Xem: Ngô Văn Doanh. Sđd., tr. 164-170; Sakaya. Sđd., tr. 305.

15. Xem: Ngô Văn Doanh. Sđd., tr. 169-187.

mạnh khoẻ, nhưng được tổ chức vào tháng 2 hoặc tháng 3 lịch Chăm, gồm có lễ thuộc dòng núi (atau Coh) và lễ thuộc dòng biển (atau Tasik). Hệ thống thần linh thuộc dòng núi gồm các vị Po Cah Ya, Po Bal Muta, Pata Po, Patra Likey, Patra Dakgrai, Rat Inư, Pata Mưnôn, Patri Bang So, Patri Chan ni, Patri Dara nai neh, Patri Bia Atakal, Patri Banlikam, v.v... Hệ thống thần linh thuộc dòng biển gồm: Po Mat Tituk, Bana Jali, Bana Jawot, Bana Mưier, Jalimit, Jalikam, Patri Ridang, Java Than mưta, v.v... *Tộc họ thuộc dòng núi khi cúng chỉ mời các vị thần dòng biển, nhưng các tộc họ thuộc dòng biển khi cúng đều mời các vị thần thuộc cả dòng núi và dòng biển.*

Nghi lễ hành lễ về cơ bản giống lễ múa ngày, thêm nữa có tục hèm múa diễn tả hành động của một con vật được cho là gắn với tổ tiên dòng họ như trâu, ngựa, hổ, v.v...

- *Lễ múa lớn (rija prong):*

Lễ này chỉ được thực hiện khi dòng họ cần lập bà bóng/ vũ sư của mình (muk rija) hoặc có người bệnh nặng, bị tai hoạ đã dùng nhiều cách nhưng không qua khỏi. Lễ này còn được sử dụng khi tôn chức cả của thầy mưduôn (thầy võ), nghệ nhân thổi kèn saranai. Bình thường cứ 7 năm các dòng họ tổ chức lễ múa lớn một lần. Lễ múa lớn kéo dài từ 3 đến 6 ngày gồm lễ tạ (rija thre), lễ tôn chức vũ sư/ bà bóng dòng họ (muk rija) và lễ mừng chức vũ sư dòng họ (rija hala ôn).

Thần linh được cầu cúng trong lễ múa lớn chủ yếu là thuộc Islam giáo hoặc ảnh hưởng Islam giáo như Allah, Mohamet, Po Ban gana, Patri Ritan, v.v... *Các vị thần Chăm Ahier (tức Chăm Balamôn) thờ cúng ở đền tháp như Po Inư Nưgar, Po Klong Girai, Po Ramê, v.v... không*

thấy có trong lễ chính, mà chỉ được cầu cúng bằng 5 mâm cơm trước cửa rạp lễ sau khi lễ kết thúc.

Nghi lễ được thực hiện trong lễ tôn chức vũ sư gồm lễ tôn chức vũ sư dòng núi và lễ tôn chức vũ sư dòng biển. Trong lễ tôn chức vũ sư dòng biển có các nghi lễ múa đu, lễ đón rước 2 chiếc thuyền, lễ hát vãi chài (pước jal) và lễ tiễn hai thuyền (palau ahauk). Nghi lễ mừng chức vũ sư tương tự như các nghi lễ trong lễ tôn chức vũ sư.

Có những ý kiến cho rằng, lễ rija nói chung, lễ múa lớn nói riêng là lễ hội Islam giáo gốc Mã Lai vào Chămpa từ thế kỷ XVII, trong đó lễ rija prong atau tasik (lễ múa lớn dòng biển) diễn lại sự tích hoàng tử Mã Lai là Putra Jing Yang đi thuyền vượt biển sang Chămpa, còn rija prong atau cök (lễ múa lớn dòng núi) nhằm tưởng nhớ hoàng tử Mã Lai sang Chămpa bằng đường bộ theo ngả Campuchia. Lễ múa lớn là diễn lại mối tình của công chúa Chăm với hoàng tử Mã Lai, đồng thời thể hiện quan hệ giữa dòng núi và dòng biển⁽¹⁶⁾.

Những nghi lễ dân gian của gia đình

- *Những nghi lễ nông nghiệp:*

Những nghi lễ nông nghiệp của gia đình liên quan đến chu kỳ sinh trưởng của cây lúa bao gồm: lễ tạ điền (pachah hamu), lễ gieo hạt (palek padai), lễ dựng chòi cày (padang paday tuan), lễ cúng ruộng lúa để nhánh (iew po bhưm), lễ cúng lúa làm đòng (padai đok tian), lễ cúng thần chuột, lễ thu hoạch lúa (iew yang trun yuak) và lễ mừng lúa lên sân (da apatai tagok lau).

16. Xem: Sakaya. Sđd., tr. 103; Phan Văn Dớp. *Người Chăm ở đồng bằng sông Cửu Long*, trong: *Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 273.

Lễ tạ điền mở đầu công việc đồng áng trong năm của gia đình. Trong lễ này thần linh được cầu cúng gồm thần đất, thần mặt trời (yang dit) thần mặt trăng (chăn), thần hoả (adi tiak), Po Ly, Pokuk; và các vị thánh: Po Lihik, Po Lihi, Po Abu Tali, Howa, v.v... Thần linh được mời trong lễ gieo hạt gồm các vị Po Yang, Po Yang Amư, Po Inư, Nưgar, Po Phun, Po Ly, v.v... và các vị thánh Nabinuk, Nabi jotna, v.v... trong lễ dựng chòi cày người ta mời các vị như thần trời (Po Yang Amư), thần cha, Po Inư Nưgar, thần đất (Po Bhuôn), thần núi, thần sông, Po Klong Girai, Po Ramê và các vị khai hoang tiên hiền. Trong lễ cúng ruộng lúc lúa đẻ nhánh, người ta mời các vị thần đất, thần trời, Po Dêbi Thatô (thần tạo dựng trời đất), Po Inư Nưgar, Po Tanuh Riya (thần cai quản đất đai), Po Păn (thần coi sổ bộ), v.v... cùng các vua và hoàng hậu, các vị thánh như trong lễ tạ điền. Thần linh được mời trong lễ cúng thần chuột gồm: Po Yang, Yang Anư, Po Inư Nưgar, Po Dă, Po Păn, Po Klong Girai, Po Rame, thần cai quản đất đai và thần chuột.

Nghi lễ được thực hiện trong lễ tạ điền như sau: Trình báo việc cày ruộng lệ và cầu xin bảo vệ trâu, cày bừa và con người của gia đình. Ma thuật vẽ hình cô gái trên ruộng rồi lấy nõ nường bằng gỗ trầm thọc vào hình cô gái ba lần với lời lẽ "hãy sinh con để cái dây ruộng". Nghi lễ cày ruộng hạ điền, nghi lễ gieo hạt được thực hiện bằng động tác gieo tượng trưng ngược chiều kim đồng hồ rồi cắm ở 4 góc và ở giữa ruộng 5 nhánh trâm bầu làm tinh lực cho lúa phát triển.

Trong các lễ cúng khi lúa đẻ nhánh, lúa ra đòng và cúng thần chuột nghi lễ chính là dâng cúng lễ vật cầu xin thần linh phù hộ cho lúa tốt sai bông, không bị

chim chuột phá hoại. Nghi lễ trước khi thu hoạch lúa là nghi lễ mời hồn lúa về nhà và lấy lúa mẹ về để trong bồ lúa. Lễ mừng lúa lên sân thực chất là lễ cúng cơm mới⁽¹⁷⁾.

- *Những nghi lễ liên quan đến nơi ở:*

Những nghi lễ này bao gồm lễ dựng nhà (yang padang sang), lễ dựng ông táo (yang padang pātu ghin), tẩy uế đất thổ cư (yang bilih tanuh/ yang mưtanư), lễ cúng thần hiên nhà (yang takai tayah tabah kanang).

1.3. Sự phân - hợp giữa đạo Bàlamôn và đạo Bàni qua y phục của tu sĩ hai đạo

Y phục của tu sĩ hai đạo này gồm những phần cơ bản giống nhau như váy (xà rông), áo, khăn đội đầu, hoa văn trên váy. Chúng chỉ khác nhau ở một số chi tiết: áo của tu sĩ đạo Bàlamôn là áo ngắn của nam giới, còn của tu sĩ đạo Bàni giống áo phụ nữ (dài quá gối, không xẻ vạt). Biểu trưng của chức sắc đạo Bàlamôn là túi thổ cẩm hình lá đề đeo trước ngực, được quan niệm là hình âm vật, còn của chức sắc đạo Bàni là chùm khăn đeo trước ngực được quan niệm như hình dương vật. Tu sĩ đạo Bàlamôn búi tóc tượng trưng nữ giới, trong khi tu sĩ đạo Bàni cạo trọc đầu tượng trưng nam giới⁽¹⁸⁾.

Lối ăn mặc, đầu tóc, trang sức trên của tu sĩ hai đạo được coi là biểu hiện trong âm có dương, trong dương có âm của mỗi đạo và đạo Bàlamôn là tượng trưng dương tính, đạo Bàni là tượng trưng âm

17. Xem: Trương Hiến Mai, Sử Văn Ngọc. Sđd., tr. 166-176.

18. Xem: Sakaya. Sđd., tr. 74; Nguyễn Thị Tuyết Nga. *Trang phục của người Chăm ở Việt Nam, trong " Kinh tế - Văn hoá Chăm" - Viện Đào tạo mở rộng, Thành phố Hồ Chí Minh, 1992, tr. 84-86.*

tính, tạo thành cặp đôi ngẫu âm - dương. *Thực chất, quan niệm đầu sát hợp với những biểu hiện thực tế của phục sức phù hợp với quan niệm âm - dương của Ấn Độ giáo hơn.*

2. Sự tách biệt giữa các cộng đồng tôn giáo ở người Chăm Ninh Thuận, Bình Thuận

2.1. Sự tách biệt giữa các cộng đồng dân cư theo đạo Bàlamôn và đạo Bàni

- Sự tách biệt giữa các làng Chăm Bàlamôn và làng Chăm Bàni

Đạo Bàlamôn vào Champa sớm nhất, trở thành quốc giáo của vương quốc này và hiện nay tôn giáo này vẫn có đông tín đồ nhất, phân bố ở nhiều làng nhất của vùng Ninh Thuận và Bình Thuận. Trong tổng số 47 làng Chăm thuộc 25 xã ở hai tỉnh này có 31 làng chỉ có cư dân theo đạo Bàlamôn sống, 5 toàn cư dân theo đạo Bàni (gồm các làng Hiếu Thiện, Vụ Bốn và Phước Lập thuộc xã Phước Nam và 2 làng khác là Văn Lâm và Nho Lâm), chỉ có một làng (Phú Nhuận thuộc xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận) người theo đạo Bàlamôn sống cùng với người theo đạo Bàni. Còn 11 làng thuộc 7 xã không có người theo đạo Bàlamôn mà chỉ có cư dân theo đạo Islam và đạo Bàni.

Có một số làng hiện không ở trên đất làng gốc như Phước Lập, Mai Lãnh, Cảnh Diển, An Nhơn, Phước Nhơn, v.v... Trong số đó có những làng vốn ở ven biển như Phước Lập, An Nhơn và Phước Nhơn. Hai làng An Nhơn và Phước Nhơn có nghĩa địa ở ven biển Mĩ Tường (thuộc xã Vĩnh Hy) và ở Văn Sơn gần bãi biển Ninh Chữ⁽¹⁹⁾. Đây cũng là một dữ liệu cho thấy sự tách biệt giữa các làng Chăm Bàlamôn

và Chăm Bàni vốn ban đầu có thể không có sự khác biệt như hiện nay, mà có thể chúng ở gần nhau, thậm chí người theo đạo Bàlamôn và đạo Bàni vốn ở cùng làng với nhau.

Cho tới nay chưa có công trình nghiên cứu nào lí giải nguyên nhân của sự phân bố các làng Chăm theo tôn giáo nói trên.

- Sự tách biệt tôn giáo giữa các cộng đồng người theo đạo Bàlamôn và đạo Bàni

Cộng đồng người theo đạo Bàni tách biệt với cộng đồng người theo đạo Bàlamôn không chỉ bằng hệ thống thần điện Islam giáo, bằng các thánh đường và hệ thống tu sĩ riêng, mà còn bằng cả quan hệ hôn nhân và những tập tục trong đời sống như chăn nuôi, ăn uống, đặt tên, lễ thành đinh, nhập đạo của người con trai khi 15 tuổi (gọi là lễ Katát) cũng như của người con gái lúc 15 tuổi (gọi là lễ Karoh), lễ Ramưwan và kinh hội (suk yưong), lễ cưới, lễ tang và tảo mộ.

Ngược lại, cộng đồng người theo đạo Bàlamôn cũng có những nét riêng biệt của mình. Họ có nơi thờ cúng riêng ở các đền, tháp. Các thần được thờ cúng ở các đền, tháp là những vị thần Ấn Độ giáo, đặc biệt là Shiva, Uma (vợ thần Shiva), bò thần Nadin, Mẹ Xứ sở (Po Inư Nưgar), các vị vua và hoàng hậu, hoàng tử. Người theo đạo Bàlamôn có hệ thống chức sắc tôn giáo riêng của mình là những tu sĩ Ấn Độ giáo và các chức sắc dân gian như thầy Võ (mưduôn), thầy Cò ke (kadhar), ông Bóng (on kaing), bà Bóng (muk pajâu), thầy cúng (gru urang), thầy pháp (gru tiao pbuh). Những nghi lễ thuần Ấn Độ giáo được thực hiện chỉ ở các đền, tháp bao gồm: lễ mở cửa tháp (poh băng yang),

19. Xem: Ngô Văn Doanh. Sđd., tr. 94-95

lễ katê, chabur, lễ cầu mưa (poh băng yang), và lễ tế trâu 7 năm một lần của các tộc họ ở tháp Po klong Girai.

- *Quan hệ một chiều giữa hai cộng đồng người theo đạo Bàlamôn và người theo đạo Bani*

Ngoài sự tách biệt về không gian cư trú và tôn giáo nói trên, giữa các cộng đồng đang được nhắc tới còn có những tách biệt và mối liên hệ một chiều với nhau.

Người Chăm Bàlamôn có tục dâng cúng gạo, bánh trái ở những thánh đường của người Chăm Bani trong lễ Ramưwan theo quy định của Hội đồng tôn giáo chung của hai đạo được thống nhất trong lễ *suk yương* như sau:

- Thôn Mỹ Nghiệp, Vĩnh Thuận và Chung Mỹ dâng lễ ở thánh đường thôn Tuấn Tú.

- Thôn Hiếu Thiện, Vu Bốn, Hậu Sanh và Hữu Đức dâng lễ ở thánh đường thôn Văn Lâm.

- Thôn Hoài Trung và Chắt Thường dâng lễ ở thánh đường thôn Lương Tri.

- Thôn Hiếu Lễ và Phước Đồng dâng lễ ở thánh đường thôn Phú Nhuận.

- Thôn Bình Nghĩa dâng lễ ở thánh đường thôn Phước Nhơn.

Ngoài việc dâng lễ nói trên, trong dịp lễ Ramưwan người Chăm Bàlamôn còn phải tuân thủ các kiêng cử sau:

- Không được sát sinh, uống rượu, gây ồn ào, đánh cãi nhau ở làng Chăm Bani để giữ thanh tịnh cho lễ này.

- Không được làm bất cứ lễ cúng nào như đám thiêu, đám cưới, lễ múa, lễ nhập kút, v.v... Ngay cả khi có người chết trong mùa chay niệm cũng phải chôn, sau đó vài năm mới thiêu khô. Nếu muốn thiêu

cũng phải chờ hết mùa chay niệm mới được phép làm đám tang.

Những ai vi phạm các kiêng cử trên bị phạt cúng từ 20 đến 40 mâm bánh lễ tại thánh đường có liên quan. Vùng Chăm Bàlamôn nào có người vi phạm, sự cả vùng đó phải chịu trách nhiệm và *vùng đó sẽ không được tu sĩ đạo Bani đến làm lễ cúng Allah trong lễ rija của dòng họ.*

Vì có những sự liên đới nói trên nên giữa các làng Chăm Bàlamôn và Chăm Bani thuộc hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận có *Hội đồng tôn giáo chung*. ở tỉnh Ninh Thuận, Hội đồng gồm sư cả của 7 thánh đường Bani và ba đền tháp Bàlamôn (đền Pô Inư Nugar, tháp Po Klong Girai và tháp Po Ramê). Hội đồng họp 3 năm một lần, xem xét và thống nhất lịch pháp chung của hai đạo cũng như việc thực hiện và vi phạm những quy định cúng lễ, kiêng cử của tu sĩ và tín đồ hai đạo; kiểm điểm những vi phạm của tín đồ và trách nhiệm của sư cả, ra quyết định trừng phạt đối với cá nhân và gia đình vi phạm các quy định.

Trong khi các thầy cả của các đền tháp Bàlamôn phải tham gia lễ *suk yương* của đạo Bani, các tín đồ đạo Bàlamôn phải tuân thủ các kiêng cử của người Chăm Bani và mang lễ tới các thánh đường Bani cầu cúng trong tháng Ramưwan, các tu sĩ và tín đồ đạo Bani không tham gia vào các hoạt động cũng như không cầu cúng ở các đền tháp của người Chăm Bàlamôn, không phải tuân thủ kiêng cử nào của tín đồ đạo Bàlamôn.

2.2. Những tách biệt và mâu thuẫn giữa các cộng đồng người theo đạo Bani và Islam giáo

Islam giáo chính thống đã tồn tại ở người Chăm vùng Châu Đốc (tỉnh An

Giang), Tây Ninh và Sài Gòn từ thời kì nhà Nguyễn cho tới hiện nay với sự toàn vẹn cả về kinh thánh, giáo lí, giáo luật và tính chất phụ hệ, phụ quyền của nó⁽²⁰⁾.

Người đầu tiên chuyển đạo Islam về Ninh Thuận là Mã Thành Lâm, quê ở Phước Nhơn, huyện Ninh Hải. Năm 1959, Mã Thành Lâm làm việc ở Sở Canh nông Sài Gòn, có dịp tiếp xúc với người Ấn Độ theo đạo Islam là Mohamet Aplih, được người này giúp hiểu về Islam giáo chính thống. Sự hiểu biết về kinh thánh, giáo lí, giáo luật cùng những nghi lễ đơn giản trong cưới xin, tang ma của Islam giáo và cách tự quản của cộng đồng dân cư - tôn giáo dưới sự điều hành của ban hakem do dân bầu đã giúp Mã Thành Lâm nhận thấy sự ưu việt của Islam giáo chính thống so với đạo Bàni. Cụ thể là các cá nhân có thể tự hiểu được giáo lí qua đọc kinh Koran và các sách đạo, không phải chỉ các chức sắc tôn giáo dòng dõi cha truyền con nối mới được tiếp cận kinh sách, còn các tín đồ chỉ được truyền khẩu thụ động. Việc hành đạo chỉ cần tuân thủ 5 điều cơ bản của Islam giáo, không phụ thuộc vào sự chi phối nhiều khi mang tính cá nhân của các thầy Char như trong đạo Bàni⁽²¹⁾.

Còn một khía cạnh xã hội khác khiến những người có danh phận trong xã hội như Mã Thành Lâm quan tâm tới Islam giáo chính thống. Khác với các tu sĩ đạo Bàni, do chịu ảnh hưởng của đạo Balamôn đã phân chia thành đẳng cấp, các chức sắc Islam giáo không phân chia đẳng cấp. Những người đã hành hương được mang tước vị Hadji cũng như các thầy giảng kinh (khotip), các thầy điều khiển buổi lễ và hướng dẫn hành lễ (imâm), các thầy giáo (tuôn) dạy đọc kinh Koran, tuy được kính nể, nhưng không là đẳng cấp ăn trên ngồi trốc trong cộng

đồng Islam giáo chính thống như trong đạo Bàni. Cũng khác với cộng đồng Chăm mẫu hệ, người Islam giáo chính thống miền Tây Nam Bộ quý trọng con trai hơn con gái, con trai được thừa hưởng phần gia tài gấp đôi con gái⁽²²⁾.

Có thể thấy ưu thế này như sự giải toả đối với những cá nhân có địa vị xã hội, nhưng lại bị ràng buộc bởi các chức sắc Bàni, của quan hệ dòng tộc và cộng đồng làng xóm.

Và Mã Thành Lâm đã tiếp nhận Islam chính thống. Là người chủ xưởng thành lập *Hiệp hội Chăm Hồi giáo Việt Nam*, tìm cách truyền bá Islam giáo về đồng bào mình ở quê hương. Ông lại được Mohamet Allih bày cho cách và giúp đỡ quyên tiền của các tín đồ Islam giáo là người Chăm, người Ấn Độ, người Pakistan, v.v... Ở Sài Gòn về giúp người Chăm ở Ninh Thuận.

Islam giáo chính thống cũng đã từng thâm nhập vào các làng Chăm khác ở Ninh Thuận như Lương Tri (xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn), Thành Tín (xã Phước Hải), Phú Nhuận (xã Phước Thuận) thuộc huyện Ninh Phước và vùng Chăm Bình Thuận, nhưng đều bị từ chối.

20. Xem: Nguyễn Văn Luận. *Người Chăm Hồi giáo miền Tây Nam phần Việt Nam*. Sài Gòn, Bộ Văn hoá Giáo dục và Thanh niên xuất bản, 1974, tr. 75-83; Nguyễn Tuấn Triết. *Đặc điểm mẫu hệ và phụ quyền trong xã hội người Chăm ở Việt Nam*, trong: *Kinh tế văn hoá Chăm*, Viện đào tạo mở rộng, TP. Hồ Chí Minh, 1992; tr. 80-81; Lê Thanh Nhân. *Người Chăm Hồi giáo ở khu vực MUBARAIC* (quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh), trong: *Kinh tế - Văn hoá Chăm*, Viện Đào tạo mở rộng, 1992, tr. 92-95.

21. Xem: Nguyễn Văn Luận. Sđd., tr. 180, 231; Phan Văn Dớp. Sđd., tr. 279-281; Nguyễn Đức Toàn. *Ảnh hưởng tôn giáo đối với tín ngưỡng của người Chăm ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr. 104.

22. Nguyễn Văn Luận. Sđd., tr. 82.

Mã Thành Lâm đã đưa Islam giáo về truyền bá ở Phước Nhơn, nhưng vì bị người theo đạo Bani ở đây phản bác, ông đã kết hợp và thông qua Từ Công Xuân chuyển sang Văn Lâm. Ở đây Từ Công Xuân đã dựa vào các chức sắc đạo Bani thân cận lại có uy tín như Bá Tó, Bá Tía để truyền đạo trong bà con thuộc họ mẹ ông ta. Bằng cách đó và bắt đầu từ đó những người truyền bá đã bắt rễ trở lại Phước Nhơn và An Nhơn. Mặc dù người Bani nói chung, ở Phước Nhơn và An Nhơn nói riêng, không chấp nhận thứ đạo trái phong tục của mình, nhưng vị thế của Từ Công Xuân và các đồng sự của ông ta đã khiến người theo đạo Bani, trước hết là họ hàng thân thích của ông ta và vợ ông ta ở Văn Lâm và Phước Nhơn, An Nhơn vì nể mà đã cải đạo theo Islam giáo. Trong thời gian đầu hành đạo chưa có thánh đường, họ đã làm lễ ở nhà những người nòng cốt:

- Ở thôn Văn Lâm: nhà Từ Công Xuân
- Ở thôn Nho Lâm: nhà Báo Đại Ngộ
- Ở thôn Phước Nhơn: nhà tổng Giàu
- Ở thôn An Nhơn: nhà bà Được.

Đến năm 1962 họ đã phát triển được 30 hộ ở Văn Lâm, chủ yếu trong họ nội, họ ngoại của Từ Công Xuân, thành lập ban Ha kem và xây dựng thánh đường 101. Tới năm 1964 thánh đường 102 được xây dựng ở thôn Phước Nhơn, năm 1968 thánh đường 103 được xây dựng ở An Nhơn và năm 1974 thánh đường 104 mọc lên ở thôn Nho Lâm (cùng xã Phước Nam với thôn Văn Lâm)^(2,3).

Sự xuất hiện cộng đồng Islam giáo đã tạo những bất đồng tôn giáo giữa họ với người theo đạo Bani trong việc đưa xác người chết ngoài làng về làng và kiêng cử trong mùa chay niệm Ramưwan.

Năm 1964, một tín đồ Islam giáo ở thôn Văn Lâm là Thập Hữu Xác bị chết ở bệnh viện, được người thân và cộng đồng Islam giáo ở thánh đường 101 đưa về thánh đường để làm tang lễ. Đối với người Chăm Bani cũng như người Chăm Balamôn việc đưa người chết vào làng là trái phong tục của họ. Vì vậy đã xảy ra xô xát dữ dội giữa tín đồ hai đạo suốt hai ngày đêm. Tranh chấp giữa hai cộng đồng xung quanh việc đưa thi thể người chết về làng ở xã Phước Nam chỉ chấm dứt sau khi thánh đường 104 được xây dựng ngay bên quốc lộ 1. Nhờ đó, người Islam giáo có thể đưa tử thi vào thánh đường mà không phải rước vào làng.

Từ năm 1998 đến nay, ở thôn Phước Nhơn (Xuân Hải) thường xảy ra mâu thuẫn, kéo theo xô xát, khi tín đồ đạo Bani phát hiện tín đồ Islam giáo đưa xác người chết ở ngoài vào làng. Trong các sự việc đó, chính quyền cơ sở đã can thiệp kịp thời và giải quyết ổn thoả, nên không xảy ra mâu thuẫn. Sự mâu thuẫn giữa tín đồ Islam giáo và tín đồ đạo Bani ở thôn Phước Nhơn đến nay vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Chính quyền địa phương đã giải quyết bằng cách cho xây dựng một cái cầu bắc qua con mương vào Thánh đường 102 để tránh đi vào làng hoặc khi người Chăm Islam đưa xác chết ở ngoài làng vào thánh đường trong làng, nếu bị người Chăm Bani phát hiện phải nộp khoản tiền để mời chức sắc đạo Bani đến để làm lễ tẩy uế.

23. Sự phác hoạ này dựa trên thông tin và ý kiến của:

- Cụ Bá Cự, 91 tuổi, người Chăm Bani thôn Văn Lâm

- Ông Báo Văn Khoảnh, Ban Hakem thánh đường 102.

- Ông Thành Ngọc Bính, tín đồ Islam giáo, trưởng ban Khuyến học thôn Phước Nhơn.

- Ông Lâm Gia Tĩnh, 72 tuổi, tín đồ Balamôn, trí thức-nhân sĩ thôn Mỹ Nghiệp, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước.

Trong mùa lễ hội Ramưwan các chức sắc Chăm Bani vào chùa để làm lễ và chay niệm. Trước khi hành lễ trong chùa Bani thường đánh một hồi trống, ngay lập tức từ thánh đường của người Chăm Islam ở phía đối diện cũng nổi trống lên, nhưng to hơn, dài hơn như một sự thách thức. Thế là tín đồ hai bên lời qua tiếng lại... Hay trong tháng Ramưwan, người Chăm Bani không sát sinh cả ngày lẫn đêm, nhưng người Chăm Islam ban đêm vẫn có người sát sinh không tôn trọng luật lệ của làng, khi người Chăm Bani phát hiện được lại nảy sinh mâu thuẫn⁽²⁴⁾.

Mặt khác, tín đồ Islam giáo thường lên án, chê bai tín đồ đạo Bani là lạc hậu, nhiều nghi lễ tốn kém và rườm rà, không khoa học như người theo Islam giáo...⁽²⁵⁾

Ngoài những tranh chấp vừa nêu, bộ phận dân cư theo Islam giáo sống tách biệt hẳn cộng đồng đạo Bani trong đời sống tôn giáo và phong tục, do đức tin và sự tôn thờ chỉ một đấng tối cao Allah và do tuân thủ triệt để các tập tục của người Islam giáo. Họ không tham gia các nghi lễ của cộng đồng khu vực chung cho cả người Chăm Balamôn và Chăm Bani cũng như lễ của làng như lễ rija nugar, lễ palao sah (tế thần thủy), katê (tế thần kim loại), chapkahalau krong (lễ tế thần mộc ở đầu nguồn nước, tức lễ chặn nguồn). Họ không thực hiện những nghi lễ nông nghiệp của gia đình như lễ tạ điền, lễ gieo hạt, lễ dựng chòi, lễ mừng lúa ra đồng, lễ cúng lúa trở bông, lễ cúng thần chuột, cúng cơm mới⁽²⁶⁾. Họ không tham gia các lễ cúng của dòng họ như lễ múa lớn (rija prong), lễ múa ban ngày (rija harey), lễ múa ban đêm (rija dayaup), lễ tạ tổ tiên (rija harey), lễ cúng cầu tổ tiên phù hộ khi trong dòng họ có nhiều người ốm đau hoặc tai họa rủi ro, lễ tảo mộ, v.v... Họ cũng không thực hiện bất kì lễ nghi nào

của gia đình như lễ tẩy uế đất, lễ dựng nhà, lễ mừng nhà mới, lễ bắc bếp, lễ cúng tuần người chết sau khi chôn cất, v.v...

Như vậy, mối liên hệ của người Chăm Islam với cộng đồng Chăm nói chung, với cộng đồng làng xã nơi họ chung sống và có quan hệ máu thịt nói riêng, không còn được duy trì về phương diện tôn giáo và phong tục nữa, có chăng chỉ theo quan hệ tình cảm riêng tư, quan hệ láng giềng và quan hệ hành chính. Họ chỉ có quan hệ giữa những người cùng cộng đồng Islam giáo và quan hệ giữa cá nhân với Po Auloat (còn được gọi là Olloh, Auloat, tức Allah- Đấng Tối cao) là thiêng liêng và cao cả. Điều quan trọng đối với họ là hành đạo theo 5 điều căn bản của Islam giáo.

Năm điều cơ bản của giáo luật gồm:

- Biểu lộ đức tin.
- Cầu nguyện 5 lần mỗi ngày.
- Ăn chay trong tháng Ramadan.
- Bố thí.
- Hành hương đến thánh địa Mecca.

Như vậy, cũng như các tín đồ Islam giáo chính thống khác, những người Chăm Islam đặt mình trong quan hệ với Allah, *tách họ ra khỏi những quan hệ truyền thống với dòng họ, làng xóm, với văn hoá cổ truyền, những điều mà đối với người Chăm Balamôn và người Chăm Bani là rất sâu nặng*. Có thể vì vậy mà Islam giáo khó phát triển trong cộng đồng Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận, mặc dù nó có những nghi lễ đơn giản, không tốn kém, tín đồ không bị lệ thuộc

24. Nguồn: Đồng Văn Dinh, 2005.

25. Nakamura, Ric. *Cham in Vietnam: Dynamic of Ethnicity*. Ph.D. Dissertation. Washington University, 1999, tr. 152.

26. Xem: Trương Hiến Mai, Sử Văn Ngọc. Sđd., tr. 87-176; Phan Quốc Anh, 2005, tr. 14.

vào các chức sắc, giáo luật nghiêm khắc.

Cũng như đạo Balamôn và đạo Bani, sự du nhập của Islam giáo chính thống vào một bộ phận người Chăm ở tỉnh Ninh Thuận bắt nguồn từ gốc rễ sâu xa trong chính xã hội Chăm ở địa phương này. Do vậy, sự du nhập của Islam giáo chính thống có thể vào được chỗ này, nhưng không vào nổi chỗ kia, ngoài đặc thù chung của tộc người còn do những đặc điểm riêng về kinh tế, xã hội trong từng cộng đồng dân cư.

Số liệu về tín đồ Islam giáo ở hai xã Phước Nam và Xuân Hải dưới đây sẽ minh chứng cho điều này.

Ở xã Phước Nam, trong tổng số 8051 tín đồ thì người theo đạo Bani là 7851 người, chiếm 85%, còn người theo Islam giáo là 1200 người, chiếm 14,9%. ở xã Xuân Hải trong tổng số 7524 tín đồ thì người theo đạo Bani là 5390 người, chiếm 71,8%, còn người theo Islam giáo là 2134 người, chiếm 28,2 %⁽²⁷⁾.

Đối chiếu số lượng và tỉ lệ tín đồ Islam giáo trong tổng số tín đồ Islam giáo (gồm Islam giáo và đạo Bani) với quá trình phát triển của Islam giáo ở hai xã này có thể nhận thấy: xã Phước Nam (thôn Văn Lâm) Islam giáo du nhập trước và thánh đường 101 được xây dựng sớm hơn (1962). Xã Xuân Hải (hai thôn An Nhơn và Phước Nhơn) tiếp nhận Islam giáo chậm hơn và thánh đường 102 và 103 được xây dựng ở đây muộn hơn (1964 và 1968). Số tín đồ đạo Bani ở xã Phước Nam đông hơn xã Xuân Hải, nhưng cả số lượng và tỉ lệ tín đồ đạo Bani chuyển sang Islam giáo ở Phước Nam thấp hơn Xuân Hải. Thực tế và lịch sử phát triển của Islam giáo ở hai xã nói trên cho thấy đặc thù địa phương của cư dân cũng ảnh hưởng tới mức độ phát triển của Islam giáo.

Kết luận

Người Chăm ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận tuy thuộc các tôn giáo khác nhau, nhưng giữa họ vẫn có những dấu nối. Hai cộng đồng Chăm Balamôn và Chăm Bani đều có chung tín ngưỡng dân gian với hệ thống thần điện chung. Tuy vậy, giữa họ cũng có những cách biệt nhất định về hệ thống thần điện trong các đền tháp và thánh đường cũng như các ngày lễ và nghi lễ được thực hiện ở những nơi thờ phụng ấy. Cách biệt đáng chú ý nhất là quan hệ một chiều giữa đạo Balamôn với đạo Bani trong tháng Ramưwan cũng như trong dịp kinh hội *suk yương* của người theo đạo Bani: Các tu sĩ đạo Balamôn phải dự lễ *suk yương*, các tín đồ đạo Balamôn phải mang lễ tới các thánh đường (chùa) đạo Bani để cầu cúng cũng như phải tuân thủ các kiêng cử của người Chăm Bani trong tháng chay niệm. Ngược lại, các tu sĩ và tín đồ Bani không tới tham dự các lễ của người Balamôn, không phải tuân thủ bất kì điều cấm kị nào của tín đồ Balamôn.

Người Chăm Bani và Chăm Islam đều thờ phụng Allah, đều chung giáo lí và giáo luật, nhưng giữa họ có sự cách biệt căn bản. Trong khi những người Chăm Islam tuân thủ tuyệt đối đức tin vào Allah và 5 điều cơ bản của giáo luật, thì những người Chăm Bani lại tôn thờ không chỉ Allah mà cả các thần dân gian và ông bà, tổ tiên. Họ còn tuân thủ những tín ngưỡng và thực hiện những nghi lễ dân gian như người Chăm Balamôn. Vì vậy giữa hai cộng đồng này luôn xảy ra những tranh chấp về tín ngưỡng và tín đồ./.

27. Nguồn: UBND hai xã Phước Nam (huyện Ninh Phước) và xã Xuân Hải (huyện Ninh Hải), tỉnh Ninh Thuận, 2005.